TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Hà Nội, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 2
1. Thông tin khái quát 2
2. Mô hình quản trị và tổ chức 9
3. Định hướng phát triển 12
4. Các rủi ro 13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 14
2. Tình hình lao động 16
3. Tình hình đầu tư 19
4. Tình hình tài chính 19
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 26
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 26
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 29
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 29
2. Tình hình tài chính 30
3. Những kết quả Công ty đã đạt được 30
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý 31
5. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 31
6. Vấn đề khác 31
IV. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ ... 31
1. Báo cáo tài chính hợp nhất 31
2. Báo cáo tài chính mẹ 32
V. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 32
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 32
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 34
VI. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023 34
VII. Quản trị Công ty 36
1. Hội đồng quản trị 36
2. Ban kiểm soát 39
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát 41
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: 41
VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 41
1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập 41
2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất 41
3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ 43
4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 45

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên giao dịch
  + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
  + Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company
  + Tên viết tắt: PECC1.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 11/05/2021.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cp.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022: 295.557.815.780 đồng
- Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
- Số fax: (84-4) 35520670; (84-4) 3854120
- Website: http://www.pecc1.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV1
- Sàn giao dịch: UPCoM.

1.2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm qua các giai đoạn sau:

- Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên thành Viện Quy hoạch và thiết kế điện, năm 1980 là Viện thiết kế điện
- Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi.
- Năm 1988, Công ty đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1; và năm 1999, đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.
- Ngày 02/01/2008 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, tương ứng 26.691.319 cổ phần; trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần, tương đương 54,34% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 12.187.092 cổ phần, tương đương 45,66% vốn điều lệ (riêng Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ 1.719.086 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,441% vốn điều lệ).

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do EVN nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu của Công ty đã được lưu ký tập trung tại VSD; niêm yết trên HoSE từ 14/09/2010; hủy niêm yết bắt buộc trên HoSE từ 13/06/2018 do

kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến trên BCTC hợp nhất năm 2017. Ngay sau khi hủy niêm yết, TV1 đã đăng ký giao dịch trên Upcom từ 22/06/2018, đến ngày 08/04/2022 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành thông báo số 1332/TB-SGDHN, nội dung như sau:

- Cổ phiếu của Công ty được đưa ra khỏi diện bị hạn chế giao dịch và được giao dịch trở lại bình thường. Ngày hiệu lực: 13/04/2022.
- Lý do: Tổ chức kiểm toán không từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 của Công ty, Công ty đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch.
- Trả cổ tức:

+ Năm 2008: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 18% (01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 18.000.000.000 đồng và được chia thành 02 đợt.

+ Năm 2009: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 20%; và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông, tỷ lệ thực hiện 54%.

+ Năm 2010: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 15%.

+ Năm 2011: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 15%.

+ Năm 2012: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 12% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 27.612.643.200 đồng.

+ Năm 2013: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 16%.

+ Năm 2014: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 15% (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 40.036.978.500 đồng.

+ Năm 2015: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 10,5% (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 28.025.884.950 đồng.

+ Không phân phối lợi nhuận năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019 năm 2020, năm 2021.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường. Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

1.4. Các công ty con

PECC1 sở hữu 100% vốn điều lệ của 04 công ty TNHH một thành viên (MTV), gồm:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 (MTV1), địa điểm kinh doanh tại quận Hà Đông, TP.Hà Nội;

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2 (MTV2), địa điểm kinh doanh tại TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng (MTV3), địa điểm kinh doanh tại quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng;
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (MTV4), địa điểm kinh doanh tại quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

Cơ cấu đầu tư góp vốn của PECC1 tại các MTV như sau:

Bảng 1 - Cơ cấu đầu tư, sở hữu vốn (đồng)

Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022	VCSH -VĐL	VCSH/VĐL (%)
MTV 1	17.102.000.000	18.529.512.652	1.427.512.652	108,347%
MTV 2	4.870.000.000	5.650.917.519	780.917.519	116,035%
MTV 3	6.517.000.000	3.907.980.206	(2.609.019.794)	59,966%
MTV 4	6.060.000.000	2.638.404.430	(3.421.595.570)	43,538%
Tổng	**34.549.000.000**	**30.726.814.807**	**(3.822.185.193)**	**88,937%**

1.5. Năng lực và vị thế của Công ty

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hở với công suất lớn. Tiêu biểu là:

- Áp dụng công nghệ đập đá đổ bản mặt bê tông cho dự án thuỷ điện Tuyên Quang (là công nghệ mới được áp dụng đầu tiên tại Việt Nam), góp phần đưa hạng mục hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng.
- Áp dụng công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập thuỷ điện Sơn La, cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC cũng đã được Công ty áp dụng thi công cho các đập thuỷ điện Pleikrông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thuỷ điện khác;
- Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi cho các nhà máy nhiệt điện phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;
- Chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học "Lập thiết kế kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW" do Bộ Khoa học và Công nghệ giao;
- Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV, thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;

- Sử dụng các thiết bị hiện đại có độ chính xác cao trong công tác khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý để phục vụ tính toán động đất và thiết kế công trình;
- Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng.

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 với hình thức Xây dựng-Sở hữu-Kinh doanh. Nhà máy được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam với công suất 57MW. Tổ máy số 1 phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; tổ máy số 2 phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng.

1.6. Các danh hiệu được Nhà nước trao tặng

- 01 Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- 01 Huân chương Độc lập hạng nhì;
- 32 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;
- 248 bằng khen của Thủ tướng, Bộ, ngành, và nhiều cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và EVN.

1.7. Các dự án điển hình

- Dự án thủy điện: Thủy điện Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông cao 92m; Lai Châu công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW; thủy điện Hòa Bình mở rộng, thủy điện Yali mở rộng, Thủy điện Nam Emoun (Lào), Thủy điện Tanahu công suất 140MW (Nepal)…
- Dự án hồ chứa nước, thủy lợi: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong, Đồng Mít, Bản Lải…; dự án thủy lợi Ngòi Giàng, Cánh Tạng…
- Các dự án nhiệt điện khí LNG Quảng Trị, LNG Quảng Ninh…;
- Các dự án năng lượng tái tạo: điện mặt trời Hồng Phong 1A, 1B, Mũi Né, AMI Khánh Hòa, nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Sóc Sơn, nhà máy xử lý chất thải công nhiệp và y tế tỉnh Thái Nguyên, các dự án trang trại điện gió, nhà máy điện gió, điện sinh khối…
- Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1, 2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1,2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 công suất

1200MW; Dung Quất công suất 1200 MW; Mông Dương 1 công suất 1080 MW; Mông Dương 2 công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 công suất 1200MW; Quỳnh lập 2, TBKHH Dung Quất I, II, III; Nhiệt điện Quảng Trạch I công suất 1200MW…;

- Dự án lưới điện: đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2; đường dây 500 kV Sơn La-Lai Châu; đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2; đường dây 500/220 kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín; đường dây 500Kv Quảng Trạch-Dốc Sỏi; đường dây 500 kV Hatxan-Pleiku; đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung-Krông Buk; dự án nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500 kV, 220 kV khu vực miền Bắc; Đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương-Trạm 500kV Phố Nối; TBA 500 kV Phố Nối; nâng công suất TBA 500 kV Sơn La và nhiều đường dây, trạm 500 kV, 220kV, 110kV…

Ông Nguyễn Hữu Chỉnh - Tổng Giám đốc PECC1 (Thứ hai từ phải sang - hàng thứ hai) nhận Bằng khen từ TGĐ EVN Trần Đình Nhân dành cho Tập thể có thành tích xuất sắc năm 2022.

Thủy điện Sơn La (khánh thành ngày 23/12/2012)

Nhà máy Điện gió Ia Pết Đăk Đoa 1, 2 (khánh thành ngày 14/01/2022)

Nhà máy nhiệt điện rác Sóc Sơn

Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan

Đường dây 500kV Bắc – Nam (mạch 1)

Trạm biến áp 220kV Mường Tè

Trạm biến áp 500kV Sơn La

2. Mô hình quản trị và tổ chức

2.1. Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tổ chức và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN TÀI ANH
Chủ tịch
(Bổ nhiệm ngày 30/06/2020)

NGUYỄN HỮU CHỈNH
Thành viên
(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)

TRẦN THÁI HẢI
Thành viên
(Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Thành viên
(Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

NGUYỄN ĐỨC THÀNH
Thành viên độc lập
(Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU CHỈNH

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)

ĐẶNG HOÀNG CẦM

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 15/08/2018)

TRẦN THÁI HẢI

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 18/09/2021)

NGUYỄN KIM CƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 18/09/2021)

ĐỖ VIỆT KHOA

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 11/10/2022)

2.2. Sơ đồ tổ chức

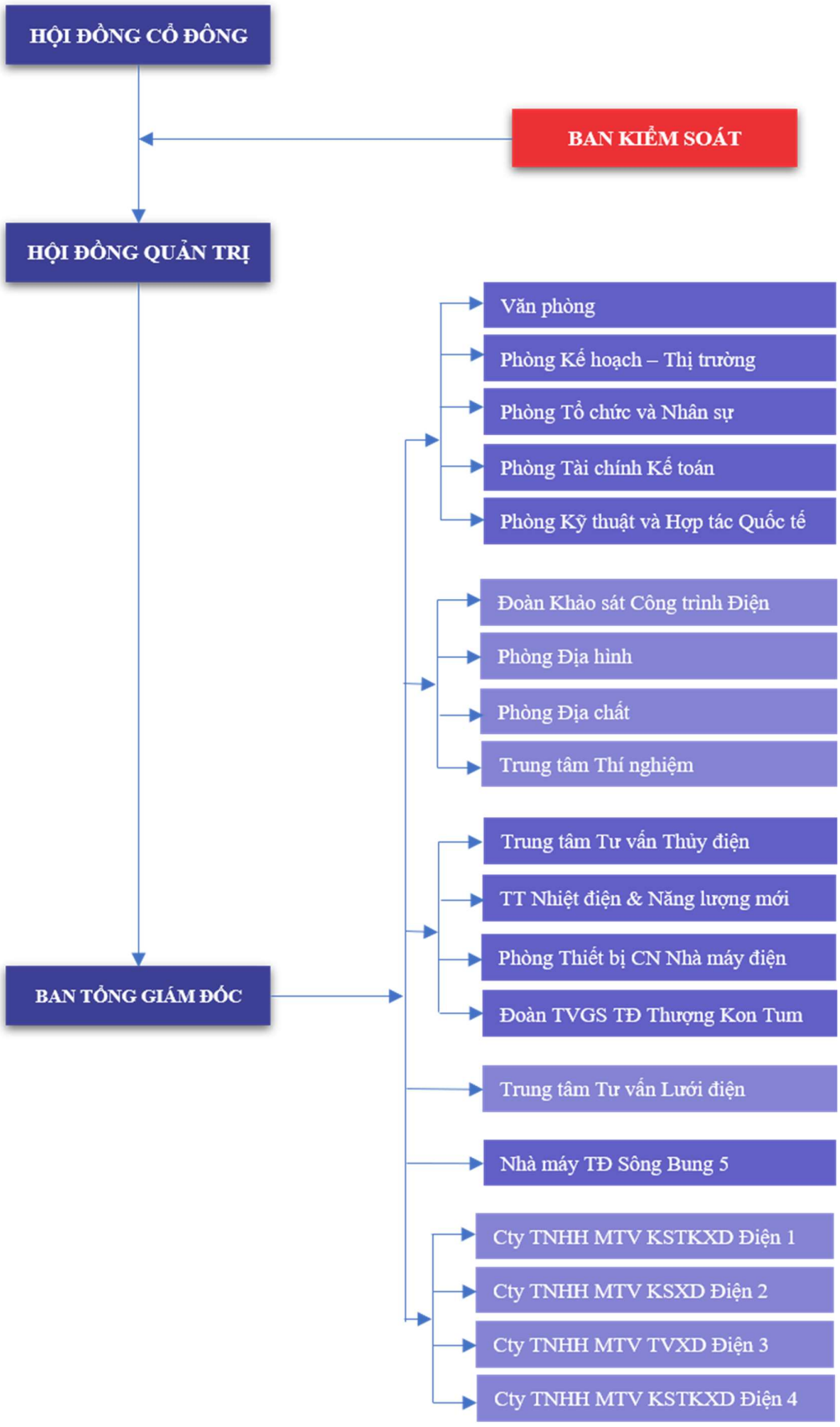

3. Định hướng phát triển

3.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của công ty

❖ **Tầm nhìn**

Nỗ lực đổi mới vươn lên trở thành công ty tư vấn chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng công nghiệp, hạ tầng tại Việt Nam và khu vực.

❖ **Sứ mệnh của PECC1**

+ **Với khách hàng:** PECC1 cam kết đem đến các giải pháp hiệu quả cho khách hàng bằng đội ngũ tư vấn năng lực và sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành năng lượng và đất nước.

+ **Với người lao động:** PECC1 cam kết cung cấp các chế độ đãi ngộ tương xứng với năng lực và đóng góp, tạo các cơ hội phát triển công bằng cho cán bộ nhân viên.

+ **Với cổ đông:** PECC1 cam kết gia tăng giá trị đầu tư cho các cổ đông bằng chiến lược phát triển bền vững.

❖ **Giá trị cốt lõi của PECC1**

+ **Tiên phong**: tiên phong trong đổi mới và ứng dụng kỹ thuật công nghệ để tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội.

+ **Sáng tạo:** chủ động tư duy khác biệt nhằm tạo ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề của khách hàng và Công ty.

+ **Tín nhiệm:** lòng tin của khách hàng làm nên sức mạnh thương hiệu, trung thực và đoàn kết nội bộ tạo nên thành công.

+ **Trách nhiệm:** là nền tảng xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên trong PECC1 và đối với khách hàng.

+ **Hiệu quả:** định hướng hiệu quả là thước đo cuối cùng của giá trị công việc nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, người lao động và cổ đông của Công ty.

3.2. Định hướng phát triển

- Nâng cao năng lực quản trị để Công ty phát triển bền vững và trở thành công ty tư vấn hàng đầu trong nước và khu vực năm 2025.
- Các lĩnh vực tập trung phát triển

+ Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn xây dựng điện, bao gồm công tác khảo sát, thiết kế, giám sát và tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thuỷ điện, nhiệt điện, lưới điện và năng lượng tái tạo.

+ Lĩnh vực kinh doanh có liên quan: quản lý dự án, dịch vụ quản lý vận hành các dự án điện, tham gia EPC các dự án nguồn và lưới điện, tư vấn công trình thuỷ; tư vấn thiết kế chế tạo các thiết bị điện.

+ Lĩnh vực nghiên cứu, phát triển: Thị trường năng lượng sơ cấp, tối ưu các dạng năng lượng sơ cấp; thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; thuỷ điện cột nước thấp; điện thuỷ triều; an toàn đập; ứng dụng KHCN trong điều hành bậc thang thuỷ điện; xây dựng đập điều hoà tăng hiệu quả sử dụng nước phục vụ nông nghiệp; xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập các công trình thuỷ điện; điện sinh khối, địa nhiệt; xây dựng quy trình chuẩn

về sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện theo điều kiện và độ tin cậy của thiết bị; chiến lược phát triển hệ thống điện; ổn định hệ thống; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện quốc gia; vận hành ổn định các nguồn năng lượng mới và tái tạo; các giải pháp đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công trình nguồn và lưới điện; kết nối lưới điện khu vực; trạm số; lưới điện thông minh, trạm biến áp ngầm trong khu đô thị; nâng công suất trạm biến áp trong thành phố lớn.

3.3. Các mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tài chính: Duy trì ổn định doanh thu mảng tư vấn giai đoạn 2022-2025, mở rộng phát triển doanh thu từ lĩnh vực quản lý vận hành lưới điện và nhà máy, hợp đồng EPC lưới điện tạo đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
- Mục tiêu khách hàng: Gia tăng giá trị cung cấp cho khách hàng về chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư.
- Mục tiêu phát triển năng lực
  + Phát triển năng lực tư vấn và năng lực quản lý dự án tư vấn;
  + Phát triển năng lực tiếp thị đấu thầu;
  + Xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp;
  + Phát triển nguồn nhân lực chiến lược.

4. Các rủi ro

4.1. Rủi ro về tài chính

- Lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện, Công ty chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, trong đó lý do lớn nhất là chủ đầu tư chưa và/hoặc không sắp xếp đủ vốn cho dự án, đặc biệt là các chủ đầu tư tư nhân;
- Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính do Thông tư 200 cũng như các quy định hiện hành chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán (dưới góc độ là công ty đại chúng quy mô lớn) và các quy định pháp luật khác. Trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ phải cải tổ từng bước hành lang pháp lý cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy những biến động trong quá trình chỉnh sửa các văn bản pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.3. Rủi ro khác

- Công ty phải đối mặt với cạnh tranh lớn về giá trên thị trường khi có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp tư vấn nhỏ cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn điện. Đặc biệt hiện nay, Công ty đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ đến các thị trường tư vấn điện trong khu vực cũng như quốc tế, mức độ cạnh tranh càng cao do có nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài tham gia.

- Đối với các công ty hoạt động tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn hiện nay.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 2- Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 so với kế hoạch

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
I	Tổng doanh thu	665,000	646,634	(18,366)	-2,76%
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính		646,634		
-	Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp		371,996		
-	Doanh thu bán điện Sông Bung 5		272,354		
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác		2,284		
II	Tổng chi phí	657,700	502,241	(155,459)	-23,64%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	7,300	144,393	137,093	1877,98%
IV	Lợi nhuận sau thuế	3,300	120,735	117,435	3558,64%

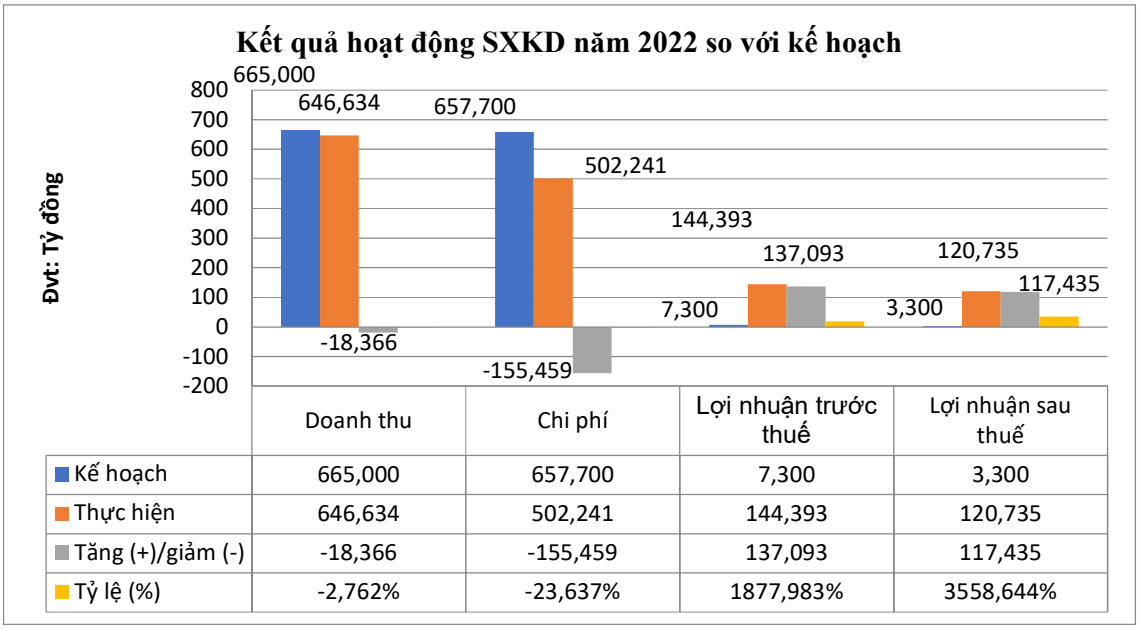

Bảng 3. Chi tiết kết quả hoạt động SXKD năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4	Bù trừ	Hợp nhất
1. Tổng doanh thu	623,577	11,919	12,846		6,130	(7,838)	646,634
2. Tổng Chi phí	477,980	11,417	12,686	0,242	10,888	(10,972)	502,241
Trong đó:							
- Giá vốn hàng bán	*365,354*	*9,173*	*10,301*		*5,151*	*(7,308)*	*382,670*
- Chi phí bán hàng	*1,909*						*1,909*
- Chi phí tài chính	*46,645*	*0,034*	*0,250*		*0,009*	*(3,664)*	*43,274*
+ Chi phí lãi vay	*42,878*	*0,018*	*0,250*		*0,009*		*43,154*
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	*59,964*	*2,210*	*2,133*	*0,242*	*0,861*		*65,411*
- Chi phí khác	*4,108*	*0,001*	*0,001*		*4,867*		*8,977*
3. Lợi nhuận trước thuế	145,597	0,502	0,161	(0,242)	(4,758)	3,134	144,393
4. Thuế TNDN	23,487	0,100	0,032		0,037		23,658
5. Lợi nhuận sau thuế	*122,109*	*0,401*	*0,128*	*(0,242)*	*(4,796)*	*3,134*	*120,735*

Bảng 4- Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 so với năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng/giảm	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	646,634	644,502	2,132	0,331%
1	Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp	371,996	446,706	(74,710)	-16,725%
2	Doanh thu bán điện Sông Bung 5	272,354	197,574	74,780	37,849%
3	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	2,284	0,221	2,063	932,499%
II	Tổng chi phí	502,241	593,282	(91,041)	-15,345%
III	Lợi nhuận trước thuế	144,393	51,220	93,173	181,907%
IV	Thuế TNDN	23,658	12,496	11,161	89,318%
V	Lợi nhuận sau thuế	120,735	38,724	82,011	211,785%
VI	Mức cổ tức				

TT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,165	(117,571)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*(117,571)*	*(117,571)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*120,735*	

TT	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng ký năm 2022	Giá trị hợp đồng ký năm 2021	Tăng/giảm	Tỷ lệ
1	Theo loại công việc	358,150	787,255	(429,105)	-54,506%
1.1	*Khảo sát*	*89,762*	*117,200*	*(27,438)*	*-23,412%*
1.2	*Tư vấn thiết kế*	*260,126*	*661,187*	*(401,061)*	*-60,658%*
1.3	*Khác*	*8,263*	*8,868*	*(0,606)*	*-6,829%*
2	Theo lĩnh vực	358,150	787,255	(429,104)	-54,506%
2.1	*Thuỷ điện-thuỷ lợi*	*123,150*	*192,606*	*(69,456)*	*-36,061%*
2.2	*Nhiệt điện*	*61,123*	*323,700*	*(262,577)*	*-81,118%*
2.3	*Lưới điện*	*166,249*	*197,679*	*(31,430)*	*-15,900%*
2.4	*Năng lượng mới (gió, mặt trời…)*	*7,629*	*73,269*	*(65,640)*	*-89,587%*
3	Theo khách hàng	358,150	787,255	(429,105)	-54,506%
3.1	*Trong EVN*	*221,311*	*513,390*	*(292,080)*	*-56,892%*
3.2	*Ngoài EVN*	*136,840*	*273,865*	*(137,025)*	*-50,034%*

2. Tình hình lao động

a. Số lượng

Chỉ tiêu	Đơn vị										Tổng cộng	
	MẸ		MTV1		MTV2		MTV3		MTV4			
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Số lượng lao động	**577**	**542**	**41**	**32**	**65**	**52**	**10**	**10**	**17**	**14**	**710**	**650**
- Lao động đóng BHXH	*540*	*532*	*41*	*32*	*59*	*47*	*10*	*10*	*16*	*13*	*666*	*634*
- Lao động không đóng BHXH	*37*	*10*			*6*	*5*			*1*	*1*	*44*	*16*

b. Chi tiết thu nhập-tiền lương (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Toàn công ty			Công ty mẹ		
	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2022	%
1. Tổng thu nhập (tỷ đồng/năm)	155,678	137,324	-11,790%	143,707	125,272	-12,828%
Trong đó: Tiền lương & các khoản có tính chất lương	155,678	137,154		*143,707*	*125,272*	
Tăng (+)/giảm (-)		-18,354			-18,435	
2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	18,091	17,118	-5,378%	20,608	18,844	-8,560%
Tăng (+)/giảm (-)	2,528	-0,973			-1,764	
3. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	18,068	17,097	-5,374%	20,608	18,844	-8,560%
Tăng (+)/giảm (-)		-0,971			-1,764	
4. BHXH - BHYT - BHTN - KPCĐ (tỷ đồng)	14,115	12,566	-10,976%	11,377	10,765	-5,381%

Tăng (+)/giảm (-)		-1,549			- 0,612	
Chỉ tiêu	MTV1			MTV2		
	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2022	%
1. Tổng thu nhập (tỷ đồng/năm)	5,801	4,841	-16,544%	4,962	5,695	14,782%
Trong đó: Tiền lương & các khoản có tính chất lương	*5,801*	4,841		*4,962*	5,695	
Tăng (+)/giảm (-)		-0,960			0,733	
2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,865	11,053	12,043%	7,008	9,217	31,521%
Tăng (+)/giảm (-)		1,188			2,209	
3. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,865	11,053	12,043%	7,008	9,217	31,521%
Tăng (+)/giảm (-)		1,188			2,209	
4. BHXH - BHYT - BHTN - KPCĐ (tỷ đồng)	1,062	0,785	-26,150%	1,108	0,727	-34,395%
Tăng (+)/giảm (-)		-0,278			- 0,381	
Chỉ tiêu	MTV3			MTV4		
	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2022	%
1. Tổng thu nhập (tỷ đồng/năm)				1,208	1,515	25,400%
Trong đó: Tiền lương & các khoản có tính chất lương				*1,208*	*1,345*	
Tăng (+)/giảm (-)					0,307	
2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)				5,594	7,892	41,080%
Tăng (+)/giảm (-)					2,298	
3. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)				4,685	7,005	49,520%
Tăng (+)/giảm (-)					2,320	
4. BHXH - BHYT - BHTN - KPCĐ (tỷ đồng)				0,352	0,290	-17,677%
Tăng (+)/giảm (-)					-0,062	

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tỷ đồng)

Diễn giải	HỢP NHẤT				MẸ			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	14,296	43,768	53,578	4,485	12,332	42,006	51,338	3,000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,047	24,572	4,747	14,679		22,742	4,586	12,963
3. Thuế thu nhập cá nhân	1,685	10,798	11,290	1,208	1,635	10,033	11,155	0,513

4. Thuế tài nguyên	1,656	24,134	23,484	2,306	1,656	24,134	23,484	2,306
5. Tiền thuê đất	0,126	1,149	1,220	0,055		1,029	1,029	
6. Các loại thuế khác	0,067	0,589	0,148	0,508	0,067	0,580	0,139	0,508
7. Phí dịch vụ môi trường rừng	0,639	9,320	9,069	0,890	0,639	9,320	9,069	0,890
8. Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước		2,514	2,514			2,514	2,514	
9. Các khoản nộp khác	0,011	2,370	0,132	2,250		0,132	0,132	
Cộng	**18,527**	**119,215**	**106,183**	**26,380**	**16,328**	**112,490**	**103,446**	**20,179**

Diễn giải	MTV1				MTV2			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	0,816	0,632	0,831	0,617	0,382	0,554	0,401	0,535
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,030	0,100	0,070	0,060	0,007	0,032	0,035	0,004
3. Thuế thu nhập cá nhân	0,010	0,023	0,024	0,010	-0,018		0,015	-0,033
4. Thuế nhà đất		0,003	0,003					
5. Tiền thuê đất	0,126	0,116	0,187	0,055				
6. Các loại thuế khác		0,003	0,003			0,002	0,002	
7. Các khoản nộp khác	0,011			0,011				
Cộng	**0,994**	**0,878**	**1,119**	**0,753**	**0,372**	**0,588**	**0,453**	**0,506**

Diễn giải	MTV3				MTV4			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	0,038		0,038		0,728	0,576	0,971	0,333
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp					0,010	1,697	0,056	1,652
3. Thuế thu nhập cá nhân		0,014	0,014		0,040	0,728	0,082	0,686
4. Thuế nhà đất		0,007	0,007					
5. Tiền thuê đất						0,065	0,065	
6. Các loại thuế khác		0,002	0,002			0,002	0,002	
7. Các khoản nộp khác						2,238		2,238
Cộng	**0,038**	**0,023**	**0,061**		**0,778**	**5,307**	**1,176**	**4,909**

3. Tình hình đầu tư

3.1. Đầu tư dự án, đầu tư tài chính

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện đầu tư dự án, đầu tư tài chính.

3.2. Kết quả đầu tư tại các công ty con

Bảng 6- Kết quả đầu tư vào các công ty con

TTTT	Các công ty con	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ/ vốn điều lệ (%)	Lợi nhuận sau thuế 2022	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1	MTV1	17.102.000.000	100	401.379.417	2,347%
2	MTV2	4.870.000.000	100	128.249.335	2,633%
3	MTV3	6.517.000.000	100	(242.357.731)	-3,719%
4	MTV4	6.060.000.000	100	(4.795.652.781)	-79,136%
	Cộng	**34.549.000.000**	**100**	**(4.508.381.760)**	**-77,875%**

4. Tình hình tài chính

Bảng 7- Tài sản, công nợ, hàng tồn kho, vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Điều Chỉnh		MẸ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền	46,057	38,573			40,690	35,235
2. Phải thu khách hàng	383,782	379,932	(22,101)	(35,819)	334,539	316,753
3. Trả trước cho người bán	15,436	17,434	(12,522)	(20,323)	26,310	36,109
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn	2,200	2,200				
5. Các khoản phải thu khác	17,811	21,524			11,473	14,679
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(65,261)	(36,016)			(62,691)	(33,446)
7. Hàng tồn kho	167,430	197,948			133,937	165,092
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14,538)				(14,538)	
9. Chi phí trả trước ngắn hạn	0,941	0,926			0,910	0,926
10. Thuế GTGT được khấu trừ	0,003					
11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	0,033	5,211				5,194
12. Tài sản cố định hữu hình	634,013	674,773			630,005	670,654
- Nguyên giá	1174,450	1180,026			1132,944	1131,876
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(540,438)	(505,254)			(502,939)	(461,222)
13. Tài sản cố định vô hình	0,660	1,144			0,288	0,772
- Nguyên giá	19,392	19,176			17,949	17,732
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(18,732)	(18,031)			(17,661)	(16,960)
14. Chi phí XDCB doanh dở dang	0,484	2,284			0,419	2,220
15. Đầu tư vào công ty con			(34,549)	(34,549)	34,549	34,549

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Điều Chỉnh		MẸ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			6,031	2,367	(6,031)	(2,367)
17. Chi phí trả trước dài hạn	4,136	2,479			3,975	2,274
Tài sản	**1193,185**	**1308,411**	**(63,141)**	**(88,324)**	**1133,834**	**1248,643**
1. Phải trả người bán	73,667	51,764	(22,101)	(35,769)	89,392	77,824
2. Người mua trả tiền trước	93,183	76,601	(12,522)	(20,373)	85,290	68,264
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	26,380	18,527			20,179	16,328
4. Phải trả người lao động	38,862	58,081			29,930	51,320
5. Chi phí phải trả	16,573	23,220			14,348	19,779
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	118,509	100,919			89,383	64,780
7. Vay và nợ ngắn hạn	290,222	397,904			274,326	375,442
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,711	3,247			0,118	0,339
9. Phải trả dài hạn người bán		36,112				36,112
10. Phải trả dài hạn khác		44,563				44,563
11. Vay và thuê tài chính dài hạn khác	237,614	319,354			237,614	319,354
12. Vốn chủ sở hữu	295,462	178,120	(28,518)	(32,182)	293,254	174,537
Nguồn vốn	**1193,185**	**1308,411**	**(63,141)**	**(88,324)**	**1133,834**	**1248,643**

Chỉ tiêu	MTV1		MTV2		MTV3		MTV4	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền	1,952	0,043	2,498	0,713	0,001	0,013	0,915	2,569
2. Phải thu khách hàng	24,977	29,578	17,751	35,937	3,071	3,663	25,545	29,819
3. Trả trước cho người bán	0,632	0,632	0,100	0,100	0,330	0,330	0,586	0,586
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn							2,200	2,200
5. Các khoản phải thu khác	3,705	3,969	1,458	0,639	0,530	1,670	0,644	0,566
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0,456)	(0,456)	(0,390)	(0,390)	(0,688)	(0,688)	(1,036)	(1,036)
7. Hàng tồn kho	4,733	5,961	6,207	4,940	9,044	8,940	13,509	13,015
8. Chi phí trả trước ngắn hạn							0,032	
9. Thuế GTGT được khấu trừ					0,002		0,001	
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			0,033	0,018				
11. Tài sản cố định hữu hình	1,761	1,939	0,978	0,587	1,209	1,376	0,060	0,217
- Nguyên giá	16,628	22,411	15,007	14,640	6,536	6,536	3,335	4,564

- Giá trị hao mòn luỹ kế	(14,867)	(20,472)	(14,030)	(14,053)	(5,327)	(5,160)	(3,275)	(4,346)
12. Tài sản cố định vô hình			0,015	0,015	0,357	0,357		
- Nguyên giá			0,254	0,254	1,189	1,189		
- Giá trị hao mòn luỹ kế			(0,239)	(0,239)	(0,833)	(0,833)		
13. Chi phí XDCB doanh dở dang							0,065	0,065
14. Chi phí trả trước dài hạn	0,051	0,005	0,052	0,200			0,057	
Tài sản	**37,356**	**41,671**	**28,703**	**42,759**	**13,855**	**15,661**	**42,578**	**48,001**
1. Phải trả người bán	4,364	5,590	0,383	2,541	0,088	0,088	1,541	1,490
2. Người mua trả tiền trước	2,707	2,707	1,727	7,311	2,328	1,318	13,654	17,373
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	0,753	0,994	0,539	0,389		0,038	4,909	0,778
4. Phải trả người lao động	1,971	1,994	4,073	1,728		0,109	2,889	2,930
5. Chi phí phải trả	0,040	0,113			2,185	3,312		0,016
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2,143	3,815	10,321	14,305	2,592	3,225	14,069	14,793
7. Vay và nợ ngắn hạn	5,978	7,038	5,961	10,500	1,438	2,104	2,520	2,820
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,871	0,890	0,049	0,334	1,316	1,316	0,358	0,368
9. Vốn chủ sở hữu	18,530	18,530	5,651	5,651	3,908	4,150	2,638	7,434
Nguồn vốn	**37,356**	**41,671**	**28,703**	**42,759**	**13,855**	**15,661**	**42,578**	**48,001**

Bảng 8- Tình hình sử dụng vốn năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2022	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12/2022
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	178,120	120,735	3,392	295,462
2. Nguồn vốn vay	717,258	0,000	189,421	527,837
3. Nguồn vốn khác	413,033	63,929	107,076	369,886
Tổng cộng	**1.308,411**	**184,664**	**299,889**	**1.193,185**

Tình hình sử dụng vốn năm 2022 - Hợp nhất

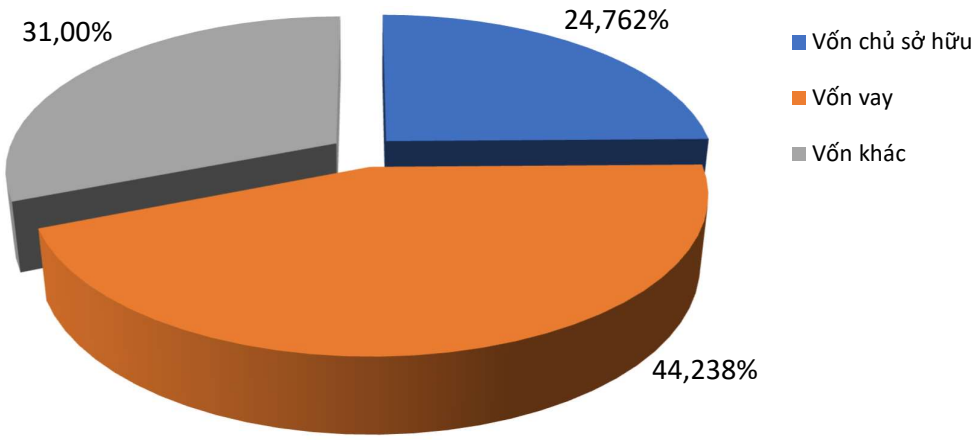

Tình hình sử dụng vốn năm 2022 - Công ty mẹ

Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2022	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12/2022
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	174,537	122,109	3,392	293,254
2. Nguồn vốn vay	694,796		182,856	511,941
3. Nguồn vốn khác	379,309	57,048	107,718	328,640
Tổng cộng	**1.248,643**	**179,158**	**293,966**	**1.133,834**

Chi tiết nguồn vốn vay (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	HỢP NHẤT				MẸ			
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
1. Vay ngắn hạn	397,904	84,860	192,542	290,222	375,442	81,740	182,856	274,326
- Vay ngân hàng	50,308	82,942	126,479	6,771	48,616	81,740	124,576	5,780
- Vay cá nhân	135,862	0,206	7,266	128,802	128,435		4,975	123,460
- Vay lương	211,734	1,712	58,797	154,649	198,391		53,305	145,086
2. Vay dài hạn	319,354	(81,740)		237,614	319,354	(81,740)		237,614
Cộng	**717,258**	**3,120**	**192,542**	**527,837**	**694,796**	**0**	**182,856**	**511,941**

Chỉ tiêu	MTV1				MTV2			
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
1. Vay ngắn hạn	7,038	0,833	1,893	5,978	10,500	1,727	6,267	5,961
- Vay ngân hàng	1,692		1,692			0,991		0,991
- Vay cá nhân	0,373			0,373	6,554		1,585	4,969
- Vay lương	4,973	0,833	0,201	5,605	3,946	0,736	4,682	
2. Vay dài hạn								
Cộng	**7,038**	**0,833**	**1,893**	**5,978**	**10,500**	**1,727**	**6,267**	**5,961**

Chỉ tiêu	MTV3				MTV4			
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
1. Vay ngắn hạn	2,104	0,143	0,810	1,438	2,820	0,417	0,717	2,520
- Vay ngân hàng						0,211	0,211	
- Vay cá nhân	0,200		0,200		0,300	0,206	0,506	
- Vay lương	1,904	0,143	0,610	1,438	2,520			2,520
2. Vay dài hạn								
Cộng	**2,104**	**0,143**	**0,810**	**1,438**	**2,820**	**0,417**	**0,717**	**2,520**

Chi tiết nguồn vốn khác - Hợp nhất

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	FS Tăng	FS Giảm	Tại ngày 31/12/2022
1. Phải trả người bán	51,764	21,903		73,667
2. Người mua trả tiền trước	76,601	16,582		93,183
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	18,527	7,853		26,380
4. Phải trả người lao động	58,081		19,218	38,862
5. Chi phí phải trả	23,220		6,646	16,573
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	100,919	17,590	0,000	118,509
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,247		0,536	2,711
8. Phải trả dài hạn người bán	36,112		36,112	
9. Phải trả dài hạn khác	44,563		44,563	
Cộng	**413,033**	**63,929**	**107,076**	**369,886**

Chi tiết nguồn vốn khác - Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	FS Tăng	FS Giảm	Tại ngày 31/12/2022
1. Phải trả người bán	77,824	11,569		89,392
2. Người mua trả tiền trước	68,264	17,026		85,290
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16,328	3,850		20,179
4. Phải trả người lao động	51,320		21,390	29,930
5. Chi phí phải trả	19,779		5,431	14,348
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	64,780	24,604		89,383
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,339		0,221	0,118
8. Phải trả dài hạn người bán	36,112		36,112	
9. Phải trả dài hạn khác	44,563		44,563	
Cộng	**379,309**	**57,048**	**107,718**	**328,640**

Chi tiết nguồn vốn khác - Công ty con

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	FS Tăng	FS Giảm	Tại ngày 31/12/2022
1. Phải trả người bán	9,709		3,333	6,376
2. Người mua trả tiền trước	28,710		8,294	20,415
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2,199	4,003		6,202
4. Phải trả người lao động	6,760	2,172		8,933
5. Chi phí phải trả	3,441		1,216	2,225
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36,139		7,014	29,125
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,908		0,314	2,593

Cộng	**89,865**	**6,175**	**20,172**	**75,869**

Bảng 9- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Cách tính	Đvị tính	MẸ		HỢP NHẤT	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,781	0,802	0,839	0,860
+ Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,583	0,557	0,607	0,589
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,741	0,860	0,752	0,864
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,866	6,154	3,038	6,346
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
+ Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,568	1,599	1,429	1,504
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		Lần	0,548	0,492	0,540	0,492
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		%	19,663%	5,960%	18,738%	6,010%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		%	41,639%	20,972%	40,863%	21,740%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		%	10,770%	2,931%	10,119%	2,960%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		%	24,093%	8,388%	23,750%	8,362%
5. Hệ số tự tài trợ	Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản	%	12,560%	3,703%	12,235%	3,702%

Chỉ tiêu	Cách tính	Đvị tính	MTV1		MTV2	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,888	1,717	1,200	1,131
+ Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,637	1,459	0,931	0,998
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,504	0,555	0,803	0,868
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,016	1,249	4,079	6,567
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						

+ Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	1,715	1,758	1,848	5,297
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		Lần	0,315	0,362	0,447	0,397
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		%	3,415%	1,897%	0,999%	2,576%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		%	2,166%	1,542%	2,270%	7,729%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		%	1,074%	0,686%	0,447%	1,021%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		%	2,883%	2,291%	1,189%	3,461%
5. Hệ số tự tài trợ	Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản	%	0,858%	0,851%	0,427%	1,309%

Chỉ tiêu	Cách tính	Đvị tính	MTV3		MTV4	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,235	1,210	1,062	1,176
+ Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,326	0,433	0,723	0,855
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,718	0,735	0,938	0,845
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,545	2,773	15,138	5,457
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
+ Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần		0,045	0,388	0,595
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		Lần		0,034	0,142	0,199
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		%		-59,060%	-79,304%	1,195%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		%	-6,202%	-7,566%	-181,763%	1,537%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		%	-1,749%	-2,005%	-11,263%	0,238%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		%		-57,469%	0,495%	1,397%
5. Hệ số tự tài trợ	Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản	%	-1,642%	-1,804%	0,066%	0,263%

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được Công ty kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời.
- Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động đầu tư. Tất cả các dự án Công ty tham gia công tác tư vấn, đầu tư đều tham vấn cộng đồng địa phương; tìm hiểu điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án; đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án…; đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án…

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

6.2. Cơ cấu cổ đông

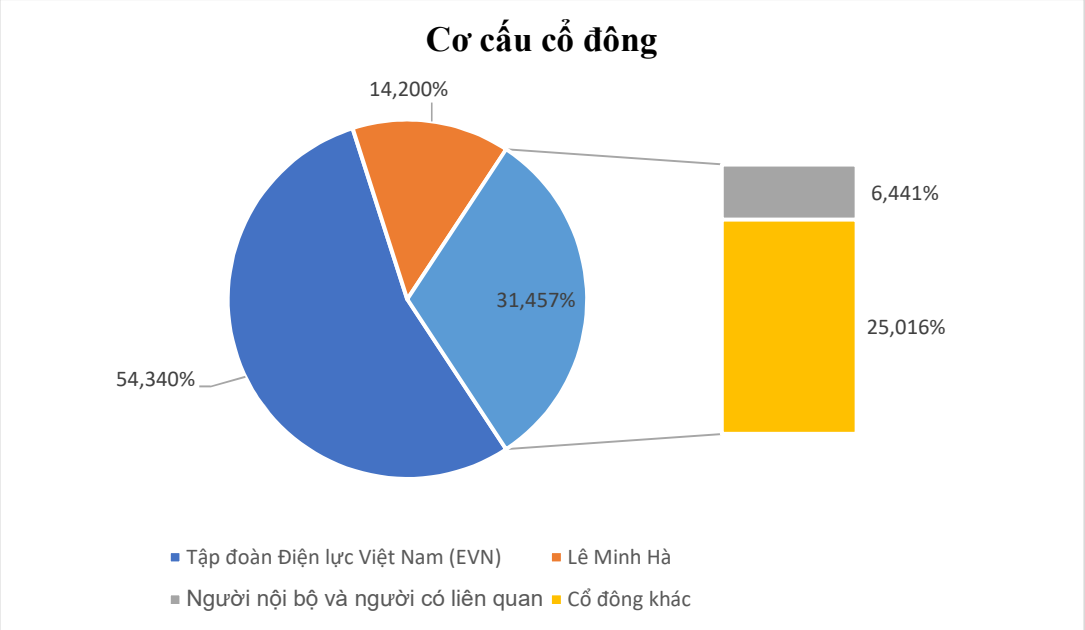

Bảng 3- Chi tiết cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0

2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	18.295.052	68,54%	2	1	1
	- Trong nước	*18.295.052*	*68,54%*	*2*	*1*	*1*
	+ EVN	*14.504.227*	*54,34%*	*1*	*1*	*0*
	+ Ông Lê Minh Hà	*3.790.825*	*14,20%*	*1*	*0*	*1*
	- Nước ngoài	*0*	*0,00%*	*0*	*0*	*0*
3	Công đoàn công ty	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ đông sở hữu CP ưu đãi	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông khác	8.396.267	31,457%	1.560	11	1.549
	- Trong nước	*8.395.944*	*31,455%*	*1.557*	*10*	*1.547*
	- Nước ngoài	*323*	*0,000%*	*3*	*1*	*2*
	TỔNG CỘNG	**26.691.319**	**100,00%**	**1.562**	**12**	**1.550**
Trong đó:						
- Trong nước		*26.690.996*	*100,00%*	*1.559*	*11*	*1.548*
- Nước ngoài		*323*	*0,000%*	*3*	*1*	*2*

Bảng 4- Cổ đông phân theo loại hình sở hữu

TT	Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông đặc biệt**	**0**	**18.295.052**	**18.295.052**	**68,54%**
1	EVN	0	14.504.227	14.504.227	54,34%
2	Cổ đông lớn (ông Lê Minh Hà)	0	3.790.825	3.790.825	14,20%
3	Cổ đông chiến lược	0	0	0	0,00%
4	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0,00%
5	Cổ đông FDI	0	0	0	0,00%
II	**Người nội bộ và người có liên quan**	**0**	**1.719.086**	**1.719.086**	**6,44%**
1	Hội đồng quản trị	0	16.715	16.715	0,06%
	- Ông Nguyễn Tài Anh	0	0	0	0,00%
	- Ông Nguyễn Hữu Chỉnh	0	2.401	2.401	0,01%
	- Ông Trần Thái Hải	0	4.000	4.000	0,01%
	- Ông Nguyễn Đức Thành	0	10.308	10.308	0,04%

	- Ông Nguyễn Đức Tuấn	0	6	6	0,00%
2	Ban Tổng Giám đốc (không bao gồm các thành viên HĐQT)	0	380.431	380.431	1,425%
	- Ông Nguyễn Hữu Chỉnh, TGĐ	(Xem mục II.1)			
	- Ông Đặng Hoàng Cầm, PTGĐ	0	5.215	5.215	0,02%
	- Ông Trần Thái Hải, PTGĐ	(Xem mục II.1)			
	- Ông Nguyễn Kim Cương, PTGĐ	0	0	0	0,00%
	- Ông Đỗ Việt Khoa, PTGĐ	0	375.216	375.216	1,406%
3	Ban Kiểm soát	0	209.475	209.475	0,78%
	- Bà Cao Thúy Nga, Trưởng ban	0	3.906	3.906	0,01%
	- Ông Mai Hữu Thung, KSV	0	205.569	205.569	0,77%
	- Bà Nguyễn Hoàng Điệp, KSV	0	0	0	0,00%
4	Ông Dương Anh Tuấn, Quyền Kế toán trưởng	0	5	5	0,00%
5	Ông Đỗ Minh Hải, Người phụ trách quản trị công ty	0	10	10	0,00%
6	Ông Nguyễn Tự Minh, Người được UQ CBTT	0	4	4	0,00%
7	Người có liên quan của người nội bộ	0	1.112.446	1.112.446	4,168%
	- Bà Nguyễn Thị Lượt (vợ ông Mai Hữu Thung)	0	392.642	392.642	1,471%
	- Bà Vũ Thị Thanh Hương (Vợ ông Đỗ Việt Khoa)	0	581.500	581.500	2,179%
	- Ông Đỗ Mạnh Hùng (Anh ông Đỗ Việt Khoa)	0	33.800	33.800	0,127%
	- Ông Đỗ Tiến Dũng (Anh ông Đỗ Việt Khoa)	0	21.400	21.400	0,080%
	- Ông Đỗ Thành Chương (Em ông Đỗ Việt Khoa)	0	28.900	28.900	0,108%
	- Ông Đỗ Tiến Hải (Em ông Đỗ Việt Khoa)	0	22.900	22.900	0,086%
	- Ông Vũ Văn Bằng (Bố vợ ông Đỗ Việt Khoa)	0	30.200	30.200	0,113%
	- Ông Dương Anh Chiến (Em ông Dương Anh Tuấn)	0	1.104	1.104	0,004%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
IV	Công đoàn công ty	0	0	0	0,00%
V	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	0	0	0	0,00%
VI	**Cổ đông khác**	**0**	**6.677.181**	**6.677.181**	**25,016%**
1	Cá nhân	0	6.676.989	6.676.989	25,016%
2	Tổ chức (Không bao gồm cổ phần của EVN)	0	192	192	0,00%
	TỔNG CỘNG	**0**	**26.691.319**	**26.691.319**	**100,00%**

6.3. Thông tin về cổ đông lớn

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn của Công ty; hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 54,34% vốn điều lệ.
- Địa chỉ liên lạc: Số 11 Phố Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội.
- Nhóm người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty gồm:

+ Ông Nguyễn Tài Anh, Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Tài Anh đại diện 40% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 5.801.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,74% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hữu Chỉnh, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật; ông Nguyễn Hữu Chỉnh đại diện 30% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 4.351.268 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

+ Ông Trần Thái Hải, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc; ông Hải đại diện 30% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 4.351.269 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

b) Ông Lê Minh Hà

- Ông Lê Minh Hà nắm giữ 3.790.825 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 14,20% vốn điều lệ.
- Địa chỉ liên lạc: Số nhà 73 phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6.4. Các vấn đề khác

- Danh sách cổ đông có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về phát triển thị trường

Năm 2022, giá trị các hợp đồng ký mới đạt 358,150 tỷ đồng.

1.2. Doanh thu, lợi nhuận

Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 646,634 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,76% so với kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua (665 tỷ đồng) và tăng 0,331% so với thực hiện năm 2021 (644,634 tỷ đồng) . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 644,502 tỷ đồng chủ yếu từ hai lĩnh vực chính: khảo sát thiết kế và phát điện.

Cơ cấu doanh thu năm 2022:

- Khảo sát thiết kế xây lắp: 371,996 tỷ đồng.
- Phát điện: 272,354 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: 2,284 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 3,195 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tài sản

Tài sản năm 2022 của Công ty giảm so với năm 2021, là do: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm; Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng bổ sung công nợ phải thu của khách hàng và thực hiện việc trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản (%)	12,235	3,702

2.2. Nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
- Hệ số nợ trên tổng tài sản (lần)	0,752	0,864

3. Những kết quả Công ty đã đạt được

- Hợp đồng ký trong năm 2022 đạt 358,150 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu: 646,634 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 3,165 tỷ đồng.
- Thu nhập từ tiền lương và các khoản có tính chất lương bình quân đầu người/tháng: 17,118 triệu đồng.
- Trong năm 2022, Công ty đã nộp thuế: 119,215 tỷ đồng.
- Năm 2022, Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng bổ sung công nợ phải thu của khách hàng 29,245 tỷ đồng, lũy kế 54,777 tỷ đồng. Thực hiện việc trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 14,538 tỷ đồng.
- Năm 2022, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán, phần mềm quản lý….; Công ty đã ban hành những biện pháp quản lý tài chính, nhân sự nhằm mục đích khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính, như: quản lý nợ phải thu, nợ phải trả; quản lý hàng tồn kho; quản lý lãi tiền vay; sắp xếp tổ chức bộ máy và định biên lao động, v.v.
- Công ty tiếp tục đảm nhận thực hiện công tác tư vấn cho các dự án quan trọng và cấp bách nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược an ninh năng lượng Quốc gia, điển hình là các công trình:

+ Thủy điện: Thủy điện Hòa Bình MR, thủy điện Yaly MR, Tanahu tại Nepal, …

+ Lưới điện: Trạm biến áp 500kV Lào Cai; Đường dây 500kV Mosoon – Thạnh Mỹ; Đường dây 500kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi; Mở rộng TBA 500kV Thạnh Mỹ; Sân phân phối 500/220kV Nhơn Trạch 3, 4.

Nhiệt điện: Tư vấn hỗ trợ Chủ đầu tư quản lý hợp đồng NMNĐ Quảng Trạch I; Lập báo cáo TKKT cho dự án Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3&4 và Quảng Ninh

+ Dự án năng lượng tái tạo và dự án khác: Lập TKKT dự án điện gió Cà Mau 1A-1D; Triển khai thiết kế các nhà máy điện rác như: Điện rác Seraphin, Hậu

Giang, Thanh Hóa, Phú Thọ, ….

Công ty đã trả lương kịp thời cho người lao động do đó giữ chân được người lao động hạn chế tình trạng chảy máu chất xám góp phần huy động lực lượng chuyên gia và kỹ sư trình độ cao để đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ của các công trình trọng điểm, góp phần đảm bảo thành công của dự án.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực nhiệt điện và lưới điện.
- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực thủy điện.
- Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực nhiệt điện.
- Ban hành Quy chế phân cấp và khoán nội bộ.
- Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong Công ty.
- Thành lập Trung tâm Tư vấn Lưới điện trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Tư vấn Đường dây và Trung tâm Tư vấn Trạm.
- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực kinh doanh.
- Thương thảo với ngân hàng và thực hiện từng bước giảm lãi suất đối với khoản vay cá nhân.

5. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

5.1. Doanh thu

Năm 2023, Công ty đặt ra mục tiêu doanh thu khoảng 587 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty, trong đó:

- Khảo sát, tư vấn, xây lắp: 400 tỷ đồng;
- Bán điện : 187 tỷ.

5.2. Chỉ tiêu tài chính

- Lợi nhuận sau thuế: 62 tỷ đồng;
- Cổ tức: 5%/vốn điều lệ

6. Vấn đề khác

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức chỉ là dự kiến; các chỉ tiêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua và được ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Năm 2023, Công ty dự kiến mở rộng sản xuất kinh doanh ra một số nghành nghề tiềm năng ngoài lĩnh vực SXKD truyền thống của Công ty như quản lý vận hành đường dây và nhà máy điện, tham gia EPC dự án lưới điện, thực hiện các dự án cáp ngầm, lưới điện thông minh, thuỷ điện tại Lào, Nepal, năng lượng tái tạo, thuỷ lợi, kè biển, kè sông, v.v.

IV. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Báo cáo tài chính hợp nhất

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

"Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đang phản ánh các số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng đã thực hiện từ nhiều năm trước, số tiền 32,69 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng cần thiết để đánh giá khả năng có thể nghiệm thu sản

lượng các hợp đồng dịch vụ này, do đó, không thể xác định được chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có).”

Giải trình:

Số tiền 32,69 tỷ VNĐ là toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công ty con của Công ty, trong đó:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1: 4.183.911.536 đồng
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2: 6.206.943.256 đồng
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng: 9.043.682.401 đồng
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4: 13.262.091.939 đồng

Việc tách chi phí dở dang các công trình theo từng hợp đồng là công việc tương đối phức tạp cần có thêm thời gian do các công trình kéo dài nhiều năm và các hợp đồng cho một công trình phần lớn thực hiện gối đầu hoặc song song với nhau, hồ sơ tài liệu lưu trữ có khối lượng lớn cần được sắp xếp lại theo từng đầu mục hợp đồng và thực hiện lưu trữ điện tử.

2. Báo cáo tài chính mẹ

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các công ty con đang phản ánh các số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng đã thực hiện từ nhiều năm trước, số tiền 32,69 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng cần thiết để đánh giá khả năng có thể nghiệm thu sản lượng các hợp đồng dịch vụ này, do đó, không thể xác định được chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho mà các công ty con cần trích lập, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến số cần trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty vào các công ty con này (nếu có).”

Giải trình:

Số tiền 32,69 tỷ VNĐ là toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công ty con của Công ty, trong đó:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1: 4.183.911.536 đồng
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2: 6.206.943.256 đồng
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng: 9.043.682.401 đồng
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4: 13.262.091.939 đồng

Việc tách chi phí dở dang các công trình theo từng hợp đồng là công việc tương đối phức tạp cần có thêm thời gian do các công trình kéo dài nhiều năm và các hợp đồng cho một công trình phần lớn thực hiện gối đầu hoặc song song với nhau, hồ sơ tài liệu lưu trữ có khối lượng lớn cần được sắp xếp lại theo từng đầu mục hợp đồng và thực hiện lưu trữ điện tử.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Những khó khăn

a) Về thị trường:

- Năm 2021 và các tháng đầu năm 2022, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai các dự án của Công ty, đặc biệt là các dự án có công tác khảo sát;

- Tình hình xung đột, mất ổn định trên Thế giới và các biện pháp trừng phạt Nga của các nước phương Tây đã làm cho lạm phát gia tăng trên toàn thế giới, giá nguyên, nhiên liệu hóa thạch tăng cao đã ảnh hưởng đến việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện (nhiệt điện than, điện khí hóa lỏng, điện hạt nhân, …);
- Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) chưa được phê duyệt nên các dự án điện cũng chậm triển khai.
- Quy mô thị trường KSTK truyền thống ngày càng thu hẹp, lĩnh vực thủy điện trong nước gần như không có dự án mới, các dự án mở rộng chưa được xem xét. Các dự án nhiệt điện than, khí cũng rất khó khăn do vấn đề về môi trường, nguyên liệu…. Các dự án lưới điện tuy còn nhiều dư địa nhưng nhiều dự án vướng quy hoạch hoặc đi qua đất rừng dẫn đến nhiều công trình lưới điện bị chậm tiến độ, kéo theo công tác tư vấn cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Đồng thời với đó là sự cạnh tranh giữa các tư vấn ngày càng lớn.
- Suy thoái kinh tế trên Thế giới trong năm 2022 diễn ra ở hầu hết các quốc gia, Việt Nam không phải là ngoại lệ. Vì vậy, nhu cầu phụ tải điện trong nước giảm mạnh trong năm 2022, dẫn đến các dự án điện đang triển khai cũng bị kéo dãn chậm tiến độ ảnh hưởng đến công tác tư vấn ngành điện nói chung và PECC1 nói riêng.
- Theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc cuối năm 2021 (COP26), một số dự án Nhiệt điện ở Việt Nam đã thay đổi mô hình và quy mô công suất dẫn đến ảnh hưởng lớn đến doanh thu công tác tư vấn Nhiệt điện của Công ty trong năm 2022.
- Để giảm nợ xấu, Công ty phải chọn lọc những hợp đồng có độ rủi ro thấp, Chủ đầu tư có khả năng về tài chính.

b) Về tài chính:

Năm 2022, Công ty vẫn chịu áp lực lớn về thiếu vốn do nợ phải thu, chi phí lãi vay ở mức cao. Một mặt Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng, kết chuyển giá vốn các công trình đã hết doanh thu nhưng còn chi phí dở dang và thực hiện việc trích lập dự phòng bổ sung công nợ phải thu của khách hàng nhằm khắc phục và lành mạnh hóa tài chính, mặt khác Công ty phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác và phấn đấu chỉ tiêu có lãi để có thể đưa cổ phiếu niêm yết trở lại.

c) Về quản trị, quản lý:

Năm 2022 là năm Công ty tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện để đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động. Theo đó, Công ty chú trọng đến các mục tiêu về cơ cấu lại lĩnh vực và phạm vi kinh doanh, thu gọn đầu mối, phát triển năng lực tư vấn, quản trị và quản lý nội bộ, khắc phục tài chính, v.v hướng tới phát triển bền vững. Các yếu tố này làm chi phí tăng cao và tình hình tài chính biến động trong ngắn hạn.

1.2. Các giải pháp Công ty đã thực hiện

a) Về công tác quản trị, quản lý

- Công ty đã xây dựng định hướng phát triển toàn diện và bền vững cho Công ty, qua đó xác định những mục tiêu và giải pháp thực hiện cụ thể cho giai đoạn 2021-2025;
- Sử dụng hiệu quả lực lượng quản lý, vận hành NMTĐ Sông Bung 5;
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các Công ty TNHH MTV thông qua Quy chế quản lý vốn và người đại diện và Quy định về tiêu chí đánh giá người đứng đầu đơn vị trong PECC1; tăng cường trách nhiệm giám sát của HĐQT và các Kiểm soát viên.

Nhìn chung, Công tác quản trị, quản lý và điều hành được cải thiện rõ rệt, tạo được sự đồng thuận rất cao trong tập thể Đảng bộ, Lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và CBCNV; từng bước lấy lại niềm tin và sự nhiệt huyết của người lao động.

b) Về công tác tài chính

- Tích cực và linh hoạt trong công tác thu hồi công nợ; đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thanh lý các hợp đồng đã hoàn thành nhằm giảm chi phí dở dang và lượng hàng tồn kho.
- Hạch toán và quản lý chi phí theo Hợp đồng; rà soát chi phí dở dang, sản lượng dở dang, nợ phải thu đặc biệt đối với các công trình đã quyết toán và các công trình dừng thực hiện; qua đó kiểm soát tốt hơn hàng tồn kho, nợ phải thu, kiểm soát ứng chi phí phù hợp trong từng giai đoạn và làm cơ sở cho việc minh bạch hoá tài chính;
- Ưu tiên thanh toán các khoản vay lãi suất cao để giảm chi phí lãi vay trên cơ sở cân đối dòng tiền về và thanh toán các khoản nợ lương.

1.3. Kết quả đạt được

Các dự án của Công ty thực hiện đã đáp ứng được tiến độ, chất lượng, hiệu quả, nhiều dự án quy mô lớn điều kiện địa chất phức tạp, xây dựng trong vùng động đất, được áp dụng công nghệ hiện đại đã được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả góp phần nâng cao thương hiệu Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành Công ty đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các thành viên của Ban điều hành Công ty có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

VI. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; Tiếp tục sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức để tăng cường tính linh hoạt trong điều hành, tối ưu sử dụng chi phí, tăng năng suất lao động để đem lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

4. Chỉ đạo Ban điều hành

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
- Đàm phán lại giá điện bán điện theo hợp đồng với EVN phù hợp với sản lượng điện được Bộ Công Thương phê duyệt;

- Thực hiện các giải pháp về sản xuất kinh doanh, bao gồm triển khai thực hiện tốt và hiệu quả các hợp đồng đã ký, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường và tìm kiếm hợp đồng có mức độ rủi ro thấp, đặc biệt các dự án có chủ đầu tư thuộc EVN; đề xuất EVN giao nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực: an toàn đập và hạ du; đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình nguồn và lưới điện; chiến lược phát triển hệ thống điện; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng mới và tái tạo vào hệ thống…;
- Chú trọng phát triển các dịch vụ tư vấn cho các nhà máy thủy điện đang vận hành; mở rộng phát triển thị trường thuỷ điện tại Lào, Nepal; phát triển năng lực tư vấn thiết kế chi tiết cho từng hạng mục công nghệ phụ trợ trong nhà máy điện than, xây dựng năng lực tư vấn cho các dự án điện khí và năng lượng tái tạo, tham gia tư vấn cho các nhà máy nhiệt điện đang vận hành và từng bước xây dựng năng lực tư vấn quản lý dự án; tham gia và mở rộng mảng tư vấn giám sát các công trình lưới điện ở các cấp điện áp, tham gia tư vấn các dự án lưới điện phân phối, các dự án công nghệ mới (back-to-back, smart-grid, ….); Tham gia xây dựng mô hình BIM cho các nhà náy đang vận hành và các nhà máy mới; đầu tư phát triển trong các lĩnh vực tư vấn năng lượng mới, quản lý vận hành lưới điện và nhà máy, EPC trạm điện, tư vấn thủy lợi;
- Nâng cao hiệu quả thu hồi vốn, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán với các chủ đầu tư;
- Tăng cường giám sát và đối chiếu công nợ; tăng cường giám sát và quản lý hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả; tiết kiệm và quản lý các chi phí; xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch nghiệm thu và kế hoạch thu hồi vốn trên cơ sở giá trị các hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư để cân đối dòng tiền; từng bước thực hiện các nghĩa vụ tài chính tồn đọng; nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ tư vấn;
- Sắp xếp tổ chức bộ máy, định biên lao động đồng thời giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng phù hợp; đầu tư trang thiết bị phần mềm công nghệ hiện đại;
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên thuộc Công ty;
- Kiểm tra, rà soát, thu hồi các văn bản không còn phù hợp với các văn bản luật cũng như tình hình sản xuất hiện tại của Công ty; soạn thảo, sửa đổi bổ sung các văn bản phù hợp với các văn bản luật, tình hình sản xuất hiện tại của Công ty;
- Đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn.

VII. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	30/06/2020	
2	Ông Nguyễn Hữu Chỉnh	Thành viên	29/04/2021	
3	Ông Trần Thái Hải	Thành viên	29/06/2017	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	29/06/2018	
5	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	29/06/2018	

Những người có liên quan tới các ông thành viên HĐQT: Nguyễn Tài Anh, Nguyễn Hữu Chỉnh, Trần Thái Hải, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Đức Tuấn không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác, kịp thời theo đúng quy định.
- Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất, cho ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét và thông qua các nghị quyết/quyết định liên quan đến các vấn đề lớn của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành; giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thống nhất. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

1.4. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tài Anh	32	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Chỉnh	32	100%	
3	Ông Trần Thái Hải	32	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	32	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thành	32	100%	

1.5. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/QĐ-TVĐ1-HĐQT	12/01/2022	Chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ.	100%
2	07/QĐ-TVĐ1-HĐQT	13/01/2022	Chủ trương công tác cán bộ.	100%
3	15/QĐ-TVĐ1-HĐQT	20/01/2022	Phương án nhân sự kế toán trưởng MTV1.	100%
4	16/QĐ-TVĐ1-HĐQT	20/01/2022	Bổ nhiệm chủ tịch kiêm giám đốc MTV4.	100%
5	01/NQ-TVĐ1-HĐQT	20/02/2022	Quy chế về công tác cán bộ.	100%
6	02/NQ-TVĐ1-HĐQT	22/02/2022	Quy chế về công tác lao động.	100%
7	42/QĐ-TVĐ1-HĐQT	25/02/2022	Công tác cán bộ tại MTV2.	100%
8	43/QĐ-TVĐ1-HĐQT	25/02/2022	Phương án nhân sự bổ nhiệm lại chức vụ Phó trưởng các đơn vị sản xuất Khối cơ quan Công ty.	100%
9	03/NQ-TVĐ1-HĐQT	07/03/2022	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	100%
10	04/NQ-TVĐ1-HĐQT	12/03/2022	- Kế hoạch SXKD tạm thời để TGĐ điều hành trong thời gian chờ Kế hoạch SXKD 2022 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	100%
11	58/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/03/2022	Phương án nhân sự bổ nhiệm lại chức vụ Phó trưởng các đơn vị quản lý Khối cơ quan Công ty.	100%
12	05/NQ-TVĐ1-HĐQT	25/04/2022	- Kết quả tuyển dụng lao động năm 2021 và kế hoạch năm 2022. - Kết quả đào tạo năm 2021 và kế hoạch năm 2022. - Quy chế đào tạo phát triển nguồn nhân lực. - Chủ tịch, Phó giám đốc MTV2 nghỉ hưu khi đủ tuổi theo quy định của pháp luật. - Chủ trương bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ KTT MTV2 bằng nguồn nhân lực tại chỗ.	100%
13	110/QĐ-TVĐ1-HĐQT	27/04/2022	Kế hoạch phát triển ứng dụng BIM.	100%
14	138/QĐ-TVĐ1-HĐQT	25/05/2022	Nhân sự thực hiện chức trách, nhiệm vụ KTT MTV4.	100%
15	141/QĐ-TVĐ1-HĐQT	26/05/2022	Đánh giá, xếp loại cán bộ năm 2021.	100%
16	146/QĐ-TVĐ1-HĐQT	30/05/2022	Chủ trương bổ nhiệm lại Trưởng phòng địa hình.	100%
17	06/NQ-TVĐ1-HĐQT	30/06/2022	Công tác cán bộ tại Công ty.	100%

18	07/NQ-TVĐ1-HĐQT	14/07/2022	- Thông qua hạn mức tín dụng và bảo lãnh năm 2022-2023 tại BIDV. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới. - Phê duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác đo đạc quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 10- Công trình NMTĐ Sông Bung 5. - Phê duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác khảo sát địa hình cửa nhận nước H1, H2 và hạ lưu nhà máy-Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5.	100% 100% 100% 100%
19	188/QĐ-TVĐ1-HĐQT	19/07/2022	Thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn nước ngoài hỗ trợ thực hiện công việc liên quan của gói thầu TV08-QT1.	100%
20	189/QĐ-TVĐ1-HĐQT	21/07/2022	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tư vấn nước ngoài hỗ trợ thực hiện công việc liên quan của gói thầu TV08-QT1.	100%
21	203/QĐ-TVĐ1-HĐQT	08/08/2022	Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2022.	100%
22	204/QĐ-TVĐ1-HĐQT	08/08/2022	Phê duyệt dự toán các công tác chuyên ngành năm 2022-NMTĐ Sông Bung 5.	100%
23	205/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/08/2022	Phê duyệt dự toán mua thiết bị máy nén 3 trục loại bán tự động.	100%
24	220/QĐ-TVĐ1-HĐQT	29/08/2022	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn nước ngoài hỗ trợ thực hiện một số công việc liên quan của gói thầu TV08-QT1.	100%
25	223/QĐ-TVĐ1-HĐQT	29/08/2022	Phê duyệt dự toán mua thiết bị đầu đo camera hố khoan.	100%
26	08/NQ-TVĐ1-HĐQT	17/09/2022	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung QHCB giai đoạn 2022-2026 và xây dựng mới QHCB giai đoạn 2026-2031 các chức danh Công ty quản lý.	100%
27	09/NQ-TVĐ1-HĐQT	19/09/2022	Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh PGĐ MTV2.	100%
28	10/NQ-TVĐ1-HĐQT	10/10/2022	- Bổ nhiệm ông Đỗ Việt Khoa giữ chức vụ PTGĐ kể từ ngày 11/10/2022. - Phê duyệt dự toán chi phí thuê quảng cáo thương hiệu. - Thông qua chủ trương lắp đặt hệ thống camera giám sát hoạt động vận hành tại NMTĐ Sông Bung 5.	100% 100% 100%
29	274/QĐ-TVĐ1-HĐQT	20/10/2022	Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh trưởng phòng thuộc Trung tâm Tư vấn Thủy điện.	100%
30	276/QĐ-TVĐ1-HĐQT	20/10/2022	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng, Phó trưởng đơn vị, Trưởng phòng thuộc Trung tâm/NMTĐ Sông Bung 5	100%

31	289/QĐ-TVĐ1-HĐQT	04/11/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán chi phí lắp đặt hệ thống công tơ đo đếm điện năng tại NMTĐ Sông Bung 5	100%
32	296/QĐ-TVĐ1-HĐQT	14/11/2022	Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh PGĐ NMTĐ Sông Bung 5	100%
33	298/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/11/2022	Thông qua chủ trương bổ nhiệm phó P7, Phó GĐ MTV4.	100%
34	11/NQ-TVĐ1-HĐQT	06/12/2022	- Phê duyệt dự toán chi phí mua thiết bị gương quan trắc. - Phê duyệt dự toán mua phần mềm tính toán năng lượng gió Windpro.	100% 100%
35	12/NQ-TVĐ1-HĐQT	07/12/2022	- Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới (NĐNLM) - Thông qua việc bổ nhiệm PGĐ NMTĐ Sông Bung 5. - Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng P7; Phó P4, Phó P7, Phó GĐ NĐNLM sau khi hết thời hạn giữ chức vụ đã bổ nhiệm. - Thông qua việc tiếp tục giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị kể từ thời điểm hết hạn giữ nhiệm vụ đã giao: Phó P1, Q. Giám đốc TVTĐ, Q. KTT MTV4.	100% 100% 100% 100%
36	13/NQ-TVĐ1-HĐQT	28/12/2022	- Phê duyệt dự toán chi phí mua phần mềm GEO5. - Phê duyệt dự toán chi phí công tác tính toán sản lượng điện kế hoạch năm 2022 của NMTĐ Sông Bung 5.	100% 100%

1.6. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia công tác quản trị Công ty và giám sát hoạt động của HĐQT với tư cách là thành viên độc lập theo qui định của Điều lệ công ty và pháp luật của nhà nước.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Mai Hữu Thung	Kiểm soát viên	01/2008	Cử nhân tài chính-kế toán
2	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Kiểm soát viên	26/04/2016	Cử nhân tài chính-kế toán, Thạc sỹ kinh tế
3	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng ban	26/04/2016	Cử nhân tài chính-kế toán, Thạc sỹ kinh tế

- Bà Cao Thúy Nga, sinh năm 1976 tại Hà Nội, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính-kế toán, Thạc sỹ kinh tế; từ ngày 26/04/2016, bà Cao Thúy Nga đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty. Những người có liên

quan của bà Cao Thúy Nga không sở hữu cổ phần Công ty; bản thân bà Cao Thúy Nga và những người có liên quan không có các khoản nợ đối với Công ty.

- Bà Nguyễn Hoàng Điệp, sinh năm 1980 tại Vĩnh Phúc, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính-kế toán, Thạc sỹ kinh tế; từ ngày 26/04/2016, bà Nguyễn Hoàng Điệp đảm nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty. Bản thân bà Nguyễn Hoàng Điệp và những người có liên quan không sở hữu cổ phần và không có các khoản nợ đối với Công ty.
- Ông Mai Hữu Thung, sinh năm 1959 tại Sài Gòn, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính kế toán; ông Mai Hữu Thung đảm nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty từ tháng 01/2008; ông Mai Hữu Thung sở hữu 598.211 cổ phần, tương đương 2,24 % vốn điều lệ; trong đó: cá nhân sở hữu 205.569 cổ phần, vợ ông Mai Hữu Thung là bà Nguyễn Thị Lượt sở hữu 392.642 cổ phần. Ông Mai Hữu Thung và những người có liên quan không có các khoản nợ đối với Công ty.

2.2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Hữu Thung	06	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	06	100%	100%	
3	Bà Cao Thúy Nga	06	100%	100%	

2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết/Quyết định/văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình; chủ động đề xuất với HĐQT một số vấn đề như: kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, thu hồi công nợ, đơn vị kiểm toán độc lập; tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng pháp luật; kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2021; thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của BKS…
- Giám sát tình hình khắc phục, lành mạnh tài chính của Công ty.

2.4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty và có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

2.5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát

BKS đã tiến hành xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty…

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1.Lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên Ban kiểm soát thực hiện năm 2022: HĐQT trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2023.

3.2. Các khoản lợi ích khác: Không

3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập

- Tên: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Trụ sở chính : 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Phone: (028) 35472972
- Website: WWW.a-c.com.vn
- Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty:
- Ông Phạm Quốc Huy-Kiểm toán viên, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4918-2019-008-1.
- Ông Trần Kim Anh-Thành viên Ban Giám đốc, Người được ủy quyền thay mặt Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1907-2023-008-1.

2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

2.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp

với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

2.2. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đang phản ánh các số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng đã thực hiện từ nhiều năm trước, số tiền 32,69 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng cần thiết để đánh giá khả năng có thể nghiệm thu sản lượng các hợp đồng dịch vụ này, do đó, không thể xác định được chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có).

2.3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4. Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả các điều chỉnh được Công ty áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.17c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang khắc phục tồn tại trong công tác huy động vốn cá nhân. Theo đó, Công ty đang ghi nhận lãi vay phải trả các cá nhân theo mức lãi suất Công ty đưa ra tại Thông báo điều chỉnh lãi suất nội bộ.

2.5. Vấn đề khác

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài ra việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán lại đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mà chúng tôi đã kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính này

vào ngày 31 tháng 3 năm 2022. Chúng tôi cũng không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2020 do kiểm toán viên khác kiểm toán, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính đã nêu, xét trên phương diện tổng thể.

3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ

3.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

3.2. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các công ty con đang phản ánh các số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng đã thực hiện từ nhiều năm trước, số tiền 32,69 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng cần thiết để đánh giá khả năng có thể nghiệm thu sản lượng các hợp đồng dịch vụ này, do đó, không thể xác định được chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho mà các công ty con cần trích lập. cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến số cần trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty vào các công ty con này (nếu có).

3.3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả

hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.4. Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả các điều chỉnh được Công ty áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính tổng hợp cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.18c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang khắc phục tồn tại trong công tác huy động vốn cá nhân. Theo đó, Công ty đang ghi nhận lãi vay phải trả các cá nhân theo mức lãi suất Công ty đưa ra tại Thông báo điều chỉnh lãi suất nội bộ.

3.5. Vấn đề khác

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính tổng hợp cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán lại đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mà chúng tôi đã kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính này vào ngày 31 tháng 3 năm 2022. Chúng tôi cũng không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2020 do kiểm toán viên khác kiểm toán, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính tổng hợp cho các năm tài chính đã nêu, xét trên phương diện tổng thể.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (mã CK **TV1**) đã báo cáo, công bố thông tin toàn văn Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán số 1.0938/23/TC-AC, số 1.0939/23/TC-AC ngày 31/03/2023 tới Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và được đăng tải tại địa chỉ Website: http://www.pecc1.com.vn của Công ty ngày 31/03/2023.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được đăng trên Tạp chí Chứng khoán, Cơ quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài Chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100100953 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Chỉnh